

## Triển vọng ngành Thép năm 2024:

### Lợi nhuận có thể phục hồi mạnh trong năm 2024, dù định giá ở mức cao

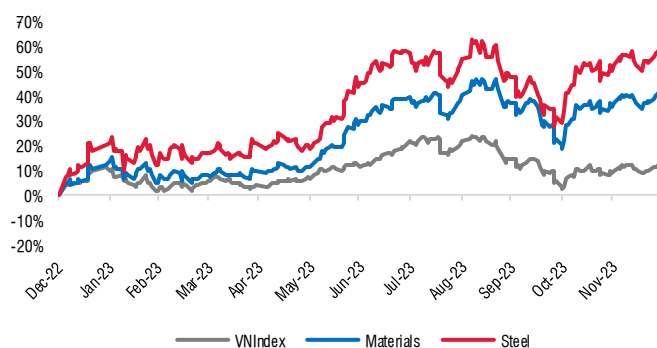
Triển vọng năm 2024: Tích cực

Cổ phiếu ưa thích: HPG, HSG

### Trong năm 2023, giá cổ phiếu ngành thép vượt trội so với VNIndex nhờ lợi nhuận đã tạo đáy.

Giá cổ phiếu thép tăng trung bình 58% trong năm 2023, cao hơn 46% so với chỉ số VN Index. Mặc dù kết quả kinh doanh theo năm của các công ty thép trong năm 2023 chưa hồi phục mạnh, thậm chí còn giảm sâu hơn so với kết quả kinh doanh năm 2022, nhưng giá cổ phiếu vẫn diễn biến tích cực do: (i) lợi nhuận theo quý của hầu hết các công ty thép đã chạm đáy trong nửa cuối năm 2022, sớm hơn so với phần lớn các ngành nghề khác; (ii) cổ phiếu thép thường có hệ số beta cao và diễn biến tích cực hơn khi thị trường chung tăng lên; và (iii) mức nền thấp hơn so với năm trước khi ngành thép giảm 51% so với mức giảm 33% của VN Index.

#### Diễn biến ngành trong năm 2023



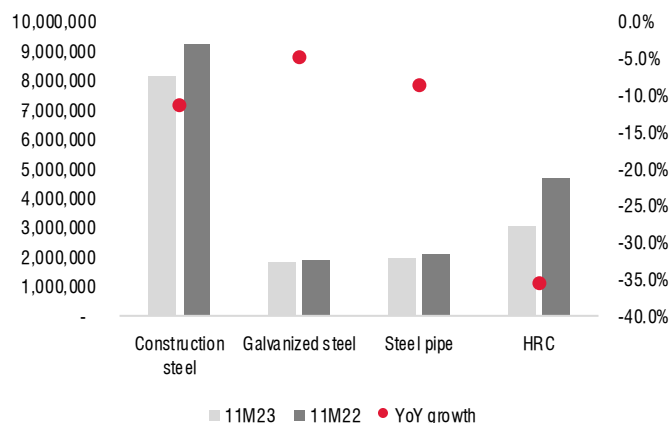
Nguồn: Bloomberg, SSI Research

## Triển vọng năm 2024

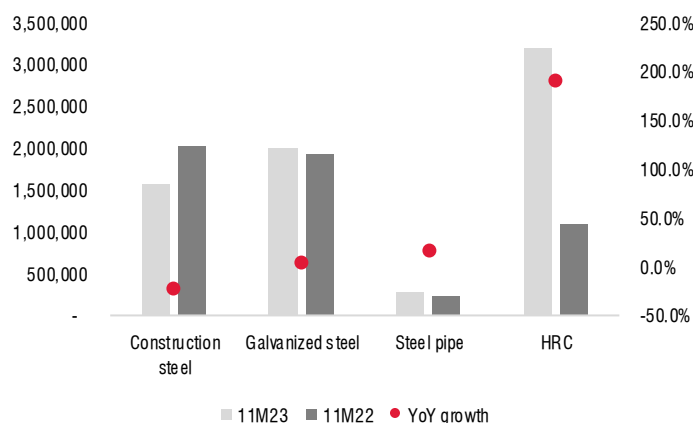
**Nhu cầu tiêu thụ thép sụt giảm trong năm 2023:** Là ngành mang tính chất chu kỳ, tổng sản lượng tiêu thụ thép thành phẩm trong nước năm 2023 chứng kiến sự sụt giảm do ảnh hưởng của nền kinh tế vĩ mô cũng như thị trường bất động sản nói riêng. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng, tôn mạ và ống thép lần lượt giảm 13,5%, 6% và 0,9% trong 11T2023 svck đạt lần lượt là 9,73 triệu tấn, 3,81 triệu tấn và 2,22 triệu tấn. Tình hình năm 2023 khá giống năm 2012, thời điểm nhu cầu thép xây dựng cũng giảm khoảng 7% svck do tăng trưởng GDP giảm tốc và thị trường bất động sản đóng băng.

Bóc tách theo kênh tiêu thụ, sản lượng nội địa của thép xây dựng, tôn mạ và ống thép trong 11T2023 đều giảm 11,3%, 4,9% và 8,6% svck lần lượt đạt 8,17 triệu, 1,81 triệu và 1,94 triệu tấn. Trong khi đó, kênh xuất khẩu có sự trái chiều khi sản lượng tiêu thụ thép xây dựng giảm 23,3% svck từ mức cao kỷ lục trong năm 2022, trong khi sản lượng tiêu thụ tôn mạ phục hồi đáng kể 16,8% svck đạt 2 triệu tấn nhờ mức nền thấp trong nửa cuối năm 2022.

## Sản lượng tiêu thụ trong nước (tấn)



## Sản lượng xuất khẩu (tấn)

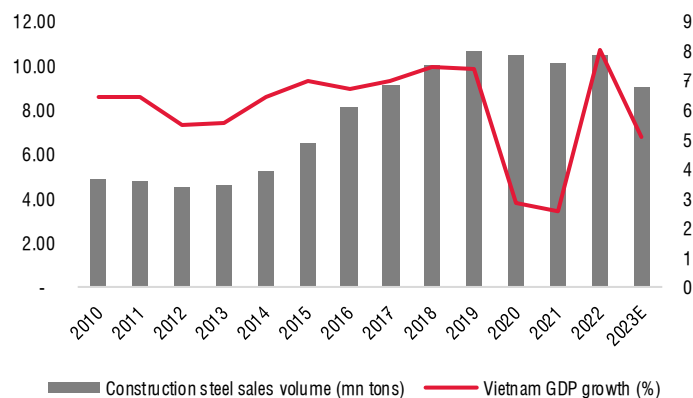


Nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam, SSI Research

## Nhu cầu năm 2024 có thể phục hồi, đặc biệt là tại thị trường nội địa:

Chúng tôi kỳ vọng tổng sản lượng tiêu thụ thép sẽ phục hồi hơn 6% svck trong năm 2024, trong đó tiêu thụ nội địa đạt mức tăng trưởng gần 7%. Kênh nội địa đã có những dấu hiệu phục hồi đầu tiên vào cuối năm 2023 khi sản lượng tiêu thụ từ tháng 9 đến tháng 11 đã tăng 13% svck sau khi giảm 20% svck trong 8T2023. Mức tiêu thụ thép trong năm 2024 sẽ được hỗ trợ nhờ tình hình vĩ mô và thị trường bất động sản khởi sắc hơn. Trong chu kỳ trước, tiêu thụ thép xây dựng năm 2013 đã tăng khoảng 3% so với mức đáy năm 2012.

## Nhu cầu thép xây dựng so với mức tăng trưởng GDP



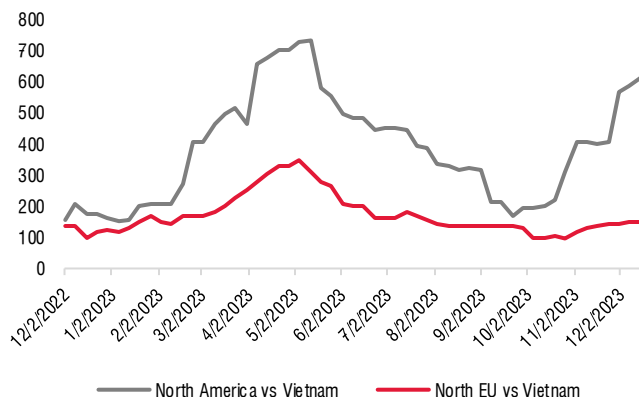
Nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam, Tổng cục thống kê, SSI Research

**Khối lượng xuất khẩu có thể duy trì tăng trưởng nhờ triển vọng nhu cầu toàn cầu tích cực:** Theo hiệp hội thép thế giới, nhu cầu thép thế giới dự kiến sẽ tăng 1,9% trong năm 2024 so với 1,8% trong năm 2023. Nhu cầu từ các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ tăng 2,8% trong năm 2024 sau khi giảm 1,8% trong năm 2023, trong đó nhu cầu của Mỹ và Châu Âu lần lượt tăng 5,8% và 1,6% sau khi giảm 5,1% và 1,1% trong năm 2022. Mặt khác, nhu cầu từ các nước ASEAN (trừ Việt Nam) dự kiến sẽ tăng 5,2% trong năm 2024, cao hơn mức 3,8% trong năm 2023.

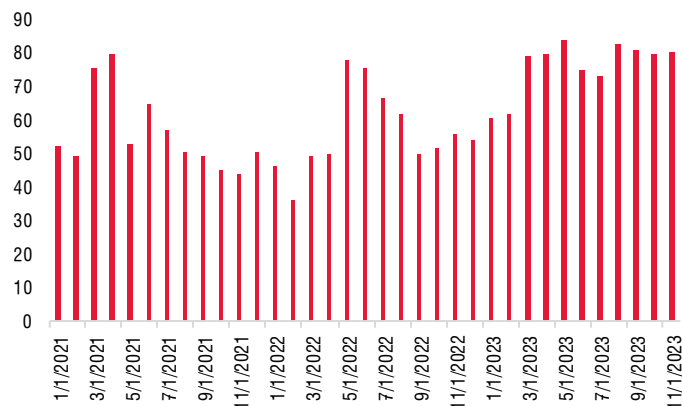
Chúng tôi kỳ vọng sản lượng xuất khẩu sẽ cải thiện trong quý đầu tiên, do chênh lệch giữa giá thép ở Bắc Mỹ và Châu Âu so với giá thép ở Việt Nam ngày càng gia tăng. Ngoài ra, Châu Âu kiểm soát chặt hơn việc nhập thép bán thành phẩm do Nga sản xuất trong năm 2024 cũng sẽ hỗ trợ xuất khẩu thép Việt Nam sang Châu Âu. (Châu Âu đã nhập khẩu hơn 1,9 triệu tấn thép bán thành phẩm từ Nga trong 7T2023).

Chúng tôi cũng nhận thấy trong năm 2023 xuất khẩu thép của Việt Nam đã thể hiện khả năng cạnh tranh rất tốt trong bối cảnh xuất khẩu thép của Trung Quốc tăng mạnh. Trung Quốc đã xuất khẩu 83,5 triệu tấn thép trong 11 tháng đầu năm 2023, tăng 34,5% svck, đây là mức cao nhất trong nhiều năm qua.

### Chênh lệch giữa giá HRC của Việt Nam và các thị trường phát triển (USD/tấn)



### Sản lượng xuất khẩu của Trung Quốc (triệu tấn)

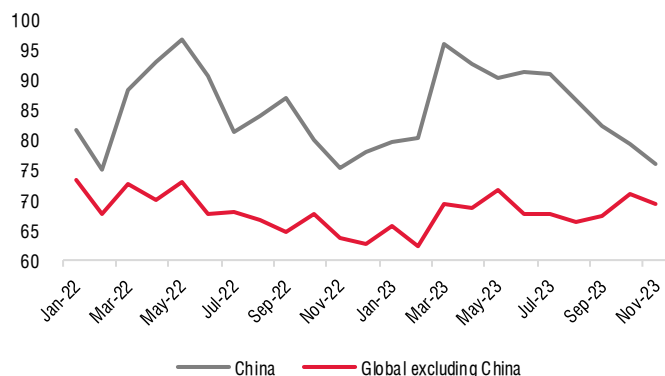


Nguồn: Bloomberg, SSI Research

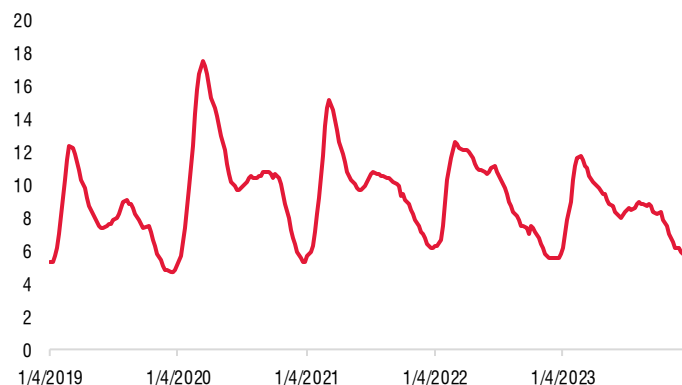
Nguồn: Bloomberg

**Giá thép có thể đã chạm đáy và cải thiện trong năm 2024 do cung cầu cân bằng hơn:** Sản lượng sản xuất thép của Trung Quốc trong 11T2023 tăng 1,5% svck đạt 952 triệu tấn. Tuy nhiên, nếu xét theo tháng, sản lượng sản xuất thép của Trung Quốc gần như liên tục giảm từ mức đỉnh 95,7 triệu tấn trong tháng 3 xuống còn 76,1 triệu tấn trong tháng 11 do nhu cầu yếu và chi phí nguyên vật liệu tăng cao, trong khi biên lợi nhuận của các công ty thép đã giảm xuống mức thấp. Sản lượng sản xuất của Trung Quốc sụt giảm cũng khiến sản lượng toàn cầu giảm từ 165 triệu tấn trong tháng 3 xuống còn 145,5 triệu tấn trong tháng 11. Tồn kho thép ở Trung Quốc đã giảm đáng kể trong những tháng gần đây, giúp giảm áp lực dư cung trên toàn cầu trong thời gian sắp tới.

### Sản lượng sản xuất thép theo tháng (triệu tấn)



### Tồn kho thép cây và HRC của Trung Quốc (triệu tấn)

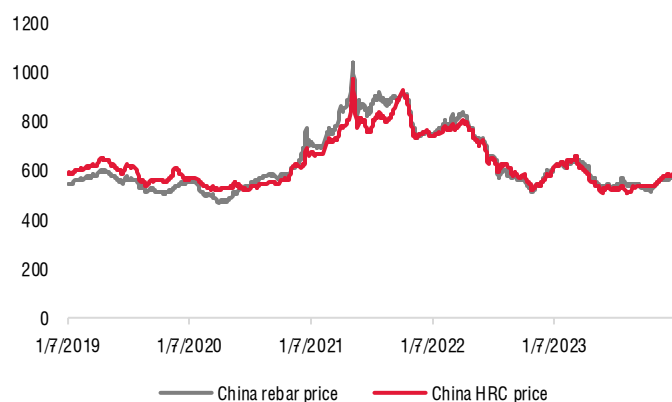


Nguồn: Hiệp hội thép Thế giới

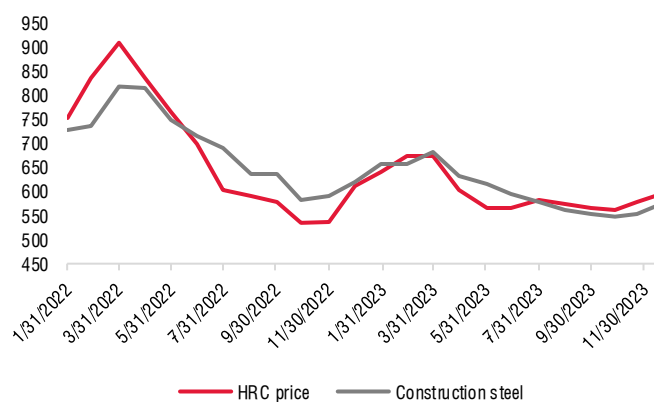
Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Do đó, chúng tôi kỳ vọng **giá thép có thể đã chạm đáy và sẽ phục hồi trong thời gian tới**. Tuy nhiên, chúng tôi không kỳ vọng giá thép sẽ tăng mạnh vì nhu cầu chung vẫn sẽ bị ảnh hưởng bởi nhu cầu yếu ở Trung Quốc do thị trường bất động sản chưa có nhiều khởi sắc. Mặt khác, sự gia tăng giá thép so với chi phí nguyên liệu đầu vào có thể thúc đẩy hoạt động sản xuất ở Trung Quốc quay trở lại.

## Giá thép Trung Quốc (USD/tấn)



## Giá thép Việt Nam (USD/tấn)



Nguồn: Bloomberg

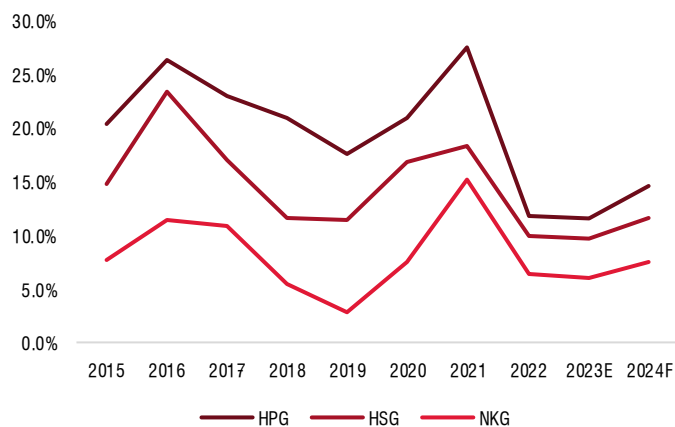
Nguồn: Bloomberg, VSA, SSI Research

### Lợi nhuận của các công ty thép có thể đã chạm đáy trong năm 2023 và sẽ phục hồi trong 2-3 năm tới:

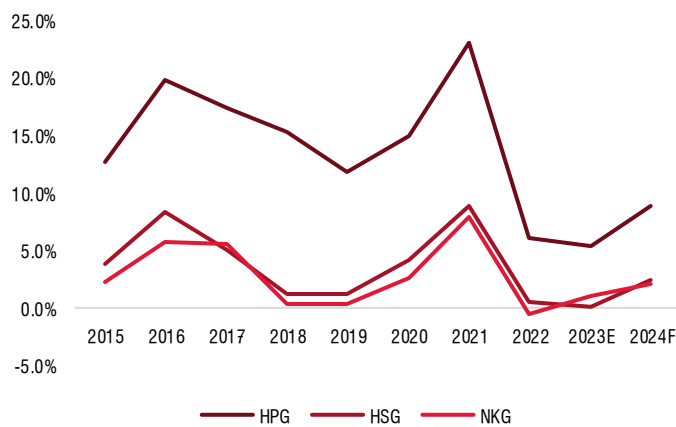
Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận của các công ty thép sẽ đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2024 từ mức nền thấp năm 2023 nhờ sản lượng tiêu thụ cải thiện, đặc biệt là của HPG và HSG, và biên lợi nhuận gộp tăng trở lại từ mức thấp trong nhiều năm do giá thép nhiều khả năng đã kết thúc xu hướng giảm của những năm trước.

Chúng tôi kỳ vọng mức tăng trưởng lợi nhuận có thể cao hơn trong nửa đầu năm 2024 nhờ mức nền lợi nhuận thấp trong nửa đầu năm 2023. Xu hướng phục hồi có thể được duy trì sau năm 2024, mặc dù nhu cầu tiêu thụ và biên lợi nhuận vẫn còn khả năng biến động, vì vậy cổ phiếu thép thường phù hợp với nhà đầu tư có mức độ chấp nhận rủi ro cao.

## Biên lợi nhuận gộp của các công ty thép



## Biên lợi nhuận ròng của các công ty thép



Nguồn: Công ty, SSI Research

Nguồn: Công ty, SSI Research

**Định giá:** Giá cổ phiếu hiện đã được định giá ở mức cao, phần nào phản ánh triển vọng lợi nhuận 1 năm của ngành, với P/E dự phóng 1 năm dao động trong khoảng 15x-17x, vượt mức trung bình lịch sử khoảng 10x.

Giá cổ phiếu thép thường được định giá cao ở thời kỳ đáy lợi nhuận. Ngoài ra, cổ phiếu thép cũng được ưa chuộng trong những năm gần đây khi được coi là cổ phiếu có hệ số beta cao.

### Các yếu tố kìm tích cực:

#### Chi phí đầu vào tăng có thể làm giảm biên lợi nhuận trong ngắn hạn

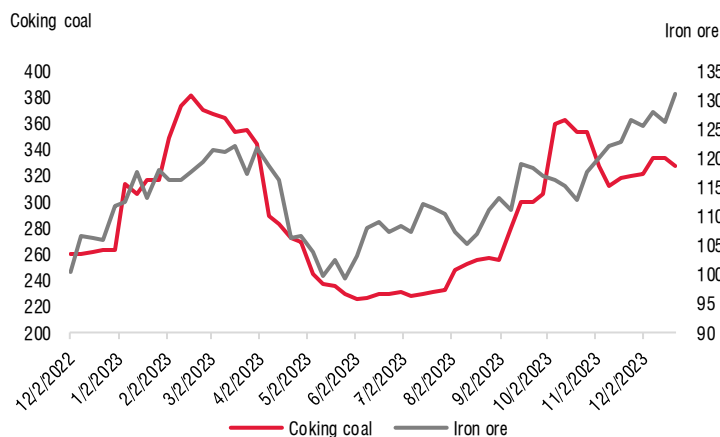
**nếu nhu cầu chậm lại:** Giá than cốc và quặng sắt đã tăng lần lượt 18% và 27% trong 4 tháng qua, nguyên nhân là do sản lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng (+6% svck trong 11T2023), tình trạng dự trữ theo mùa của các công ty thép và chi phí sản xuất và vận chuyển gia tăng.

Việc chi phí đầu vào tăng có thể gây áp lực lên biên lợi nhuận của các công ty như HPG trong những tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, việc tăng tỷ trọng sản lượng xuất khẩu có thể giúp công ty chuyển phần tăng chi phí đầu vào vào giá bán thép dễ dàng hơn.

Ngoài ra, chúng tôi kỳ vọng áp lực từ chi phí đầu vào cao có thể giảm dần trong dài hạn khi tác động của việc tích trữ giảm dần. Nguồn cung quặng sắt dự kiến sẽ ổn định trong năm tới. Các nhà cung cấp quặng sắt lớn dự kiến sẽ duy trì hoặc tăng sản lượng trong năm 2024. Rio Tinto dự kiến sản lượng quặng sắt sẽ tăng lên khoảng 323-338 triệu tấn trong năm 2024, từ khoảng 320-335 triệu tấn trong năm 2023. Vale dự kiến sẽ duy trì sản xuất khoảng 310-320 triệu tấn trong năm 2024, so với khoảng 315 triệu tấn trong năm 2023.

**Rủi ro:** Rủi ro chính là nhu cầu phục hồi chậm hơn dự kiến và biên lợi nhuận thấp hơn dự kiến do chi phí đầu vào tăng hoặc giá thép sụt giảm. Với mức lợi biên nhuận hiện tại đang ở mức thấp thì giá trị lợi nhuận tuyệt đối có thể có mức độ biến động khác mạnh theo biến động của giá bán và giá nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng có rất ít khả năng lợi nhuận của công ty thép tiếp tục sụt giảm trong năm tới.

#### Giá than cốc và giá quặng sắt trong khu vực (USD/tấn)



Nguồn: Bloomberg

## Cổ phiếu ưa thích:

### 1. Tập đoàn Hòa Phát (HPG: HOSE)

- Giá hiện tại ngày 29/12/2023: 27.950 đồng/cp
- Giá mục tiêu 1 năm: 30.000 đồng/cp
- Luận điểm đầu tư:
  - ✓ Lợi nhuận dự kiến sẽ phục hồi 80% trong năm 2024 nhờ cả sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận gộp đều cải thiện. Sản lượng tiêu thụ của công ty dự kiến sẽ tăng 11% trong năm 2024.
  - ✓ Thị phần thép xây dựng tăng từ 34,8% năm 2022 và 32,5% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên khoảng 37% trong những tháng gần đây nhờ kênh xuất khẩu phục hồi tích cực và một số doanh nghiệp thép trong nước giảm sản lượng sản xuất một thời gian thua lỗ.
  - ✓ Tỷ trọng kênh xuất khẩu trong doanh thu tăng lên sẽ giúp công ty chuyển mức tăng giá nguyên liệu sang giá bán thép dễ dàng hơn.
  - ✓ Dự án mở rộng Dung Quất 2 dự kiến sẽ bắt đầu vận hành theo từng giai đoạn trong năm 2025 và 2026, giúp thúc đẩy tăng trưởng dài hạn sau năm 2024.
- Rủi ro:
  - ✓ Việc chi phí nguyên liệu đầu vào tăng lên gần đây có thể gây áp lực lên biên lợi nhuận của công ty trong những quý đầu năm 2024.
  - ✓ Nhu cầu phục hồi chậm hơn dự kiến.

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	63.658	90.119	149.680	141.409	115.855	132.719
Tăng trưởng doanh thu thuần	14,0%	41,6%	66,1%	-5,5%	-18,1%	14,6%
Lợi nhuận gộp	11.185	18.904	41.108	16.763	13.312	18.864
Biên lợi nhuận gộp	17,6%	21,0%	27,5%	11,9%	11,5%	14,2%
Thu nhập tài chính	471	1.005	3.071	3.744	2.925	3.305
Chi phí tài chính	-1.182	-2.837	-3.732	-7.027	-5.563	-5.829
SG&A	-1.442	-1.781	-3.444	-3.685	-3.441	-3.583
Thu nhập ròng khác	66	65	48	129	81	66
Lợi nhuận trước thuế	9.097	15.357	37.057	9.923	7.314	12.823
Lợi nhuận ròng	7.578	13.506	34.521	8.444	6.143	11.156
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	-11,9%	78,2%	155,6%	-75,5%	-27,2%	81,6%
Biên lợi nhuận ròng	11,9%	15,0%	23,1%	6,0%	5,3%	8,4%
EPS (VND)	2.726	4.060	7.708	1.459	1.057	1.919

Nguồn: HPG, SSI Research.

## 2. Tập đoàn Hoa Sen (HSG: HOSE)

- Giá hiện tại ngày 29/12/2023: 22.800 đồng/cp
- Giá mục tiêu 1 năm: 24.400 đồng/cp
- Luận điểm đầu tư:
  - ✓ Lợi nhuận dự kiến phục hồi mạnh trong năm 2024, với mức tăng hơn 20 lần so với mức nền thấp được thiết lập trong năm 2023 – mức thấp nhất kể từ năm 2006.
  - ✓ Thị trường nội địa có thể phục hồi tốt hơn kênh xuất khẩu trong năm 2024.
  - ✓ Dư nợ giảm xuống mức thấp 2,3x trong niên độ tài chính 2023, tương đương 0,22x vốn chủ sở hữu so với mức 35% của niên độ tài chính trước và mức cao nhất là 2,26x trong năm 2018.
- Rủi ro:
  - ✓ Nhu cầu phục hồi chậm hơn dự kiến.
  - ✓ Biên lợi nhuận ròng mỏng có thể khiến lợi nhuận tuyệt đối của công ty khá biến động theo giá thép.
  - ✓ Những thay đổi trong biện pháp bảo hộ ở thị trường Việt Nam hoặc thị trường xuất khẩu có thể ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ.

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	27.531	48.727	49.711	31.651	32.676
Tăng trưởng doanh thu thuần	-1,8%	77,0%	2,0%	-36,3%	3,2%
Lợi nhuận gộp	4.627	8.873	4.939	3.058	3.812
Biên lợi nhuận gộp	16,8%	18,2%	9,9%	9,7%	11,7%
Thu nhập tài chính	78	366	267	233	131
Chi phí tài chính	-645	-552	-521	-314	-245
SG&A	-2.681	-3.770	-4.355	-2.875	-2.777
Thu nhập ròng khác	-3	-2	51	50	49
Lợi nhuận trước thuế	1.376	4.915	381	152	969
Lợi nhuận ròng	1.153	4.313	251	28	775
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	219,1%	274,1%	-94,2%	-88,7%	2631,5%
Biên lợi nhuận ròng	4,2%	8,9%	0,5%	0,1%	2,4%
EPS (VND)	2.594	8.741	420	46	1.258

Nguồn: HSG, SSI Research. Lưu ý: Số liệu của HSG dựa trên niên độ tài chính của công ty.

No	Ticker	% Upside	Target Price (VND)	Current Price (VND)	Market cap (VND bn)	Foreign ownership	NPATMI Growth			P/E			ROE			Dividend Yield (%)		
		in 1yr	in 1yr	12/29/2023	12/29/2023	12/29/2023	2022	2023	2024	2022	2023	2024	2022	2023	2024	2022	2023	2024
1	HPG	7,3%	30.000	27.950	162.523	25,0%	-75%	-27%	82%	12,3	26	14	9,0%	6,2%	10,4%	0,0%	0,0%	0,0%
2	HSG	7,0%	24.400	22.800	14.044	22,1%	-94%	-89%	2632%	35,2	452	18	2,3%	0,3%	6,9%	0,0%	0,0%	0,0%
3	NKG	-0,6%	24.500	24.650	6.490	15,4%	-106%	246%	123%	-25,8	36	16	-2,3%	3,4%	7,1%	0,0%	0,0%	0,0%

Nguồn: SSI Research

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

#### Vĩ mô

#### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu

tranglh1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8710

#### Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

### Phân tích Ngành Thép

#### Đào Minh Châu, CFA

Phó Giám đốc Phân tích Cổ phiếu

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3052

### Dữ liệu

#### Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

#### Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

#### Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

#### Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043